

TỪ HIỆP ƯỚC BONARD ĐẾN HIỆP ƯỚC AUBARET: CON ĐƯỜNG TÌM KIẾM HÒA BÌNH CỦA VƯƠNG QUỐC ĐẠI NAM

Nguyễn Lục Gia

[TÓM TẮT: *Những thất bại quân sự liên tiếp tại chiến trường phía Nam cùng với chiến dịch phong tỏa bờ biển gắt gao của quân Pháp đã đẩy triều đình Huế vào tình thế bất lợi nghiêm trọng về nhiều mặt. Trong bối cảnh nền độc lập bị thực dân bên ngoài đe dọa, các lực lượng nổi dậy chống đối tại Bắc Kỳ thực chất đã tiếp tay cho kẻ thù, hơn nữa các thế lực này lại tiến hành liên kết với thổ - hải phi Trung Hoa làm tổn hại không nhỏ thực lực chống ngoại xâm của vương quốc. Chấp nhận hòa hoãn tạm thời nhằm tìm kiếm một giải pháp hòa bình toàn cục tương ứng với thế và lực của đất nước, phải chăng triều đình Tự Đức đang tính đến những bước đi khôn khéo và phù hợp thông qua lộ trình mở ra từ hai hiệp ước ký với đối phương: Hiệp ước Bonard và Hiệp ước Aubaret?*

Nhân 150 năm (1865-2015) thương thuyết Việt - Pháp bất thành, chúng tôi cập nhật vấn đề này với muôn vàn nuối tiếc bởi vận hội hòa bình dành cho cả hai dân tộc đã bị tó lốc lịch sử cuốn phăng]

Dẫn đề

Nếu như trước khi đặt ra vấn đề thương thuyết với triều đình Huế, đô đốc Bonard và ngay cả nước Pháp gần như không mong đợi gì ở một nền hòa bình trên bộ phận lãnh thổ Nam Kỳ đang tranh chấp quyết liệt, thì điều đó bỗng trở thành hiện thực từ sau động thái thiện chí bất ngờ vào cuối tháng 4.1862 của hoàng đế Tự Đức. Bonard vừa nhận được yêu cầu này từ phía đối phương vào ngày 29.4.1862, đã lập tức thông tin cho Bộ trưởng Hải quân. Trong khi triều đình Huế tỏ ra dứt khoát bác bỏ các điều khoản căn bản của dự thảo hiệp ước do đô đốc Charner trình ra trước đây và chỉ chấp nhận hòa đàm với Bonard vì mục đích hoãn binh thì đột nhiên lại muốn đạt đến hòa bình gần như bằng mọi giá. Lần đầu tiên sau gần 4 năm hăng mùi thuốc súng, cơ hội tái thiết nền hòa bình trên vương quốc Đại Nam mới được thúc đẩy từ động cơ ở cả hai phía đối địch.

1. Tình thế và điều kiện

Ngay sau khi liên minh quân sự cùng với Anh quốc hạ thành Quảng Châu, buộc Trung Hoa ký Hòa ước Thiên Tân (27.6.1858), hoàng đế Napoléon III lập tức thông qua chỉ thị cho phép Hội đồng Bộ trưởng Pháp tùy nghi hành động đối với vấn đề Đại Nam như theo kết luận của Ủy ban Đảng Trong, hợp tác với đồng minh chiến lược mới là nữ hoàng Isabell II của Tây Ban Nha. Đô đốc Rigault de Genouilly được giao trọng trách đặc biệt này, chỉ huy hạm đội hướng xuống vịnh biển Tourane (Đà Nẵng) vào những ngày cuối tháng 8.1858.

Sự bất lợi về quân số cùng các phương tiện tác chiến của liên quân Pháp - Tây Ban Nha tại mặt trận phía Nam gần kề kinh thành Huế của triều đình Tự Đức đã được khắc phục khi đô đốc Genouilly chuyển hướng hoạt động về miền Gia Định. Sự kế nhiệm liên tục sau đó từ đô đốc Page, đô đốc Charner đến đô đốc Bonard đánh dấu quá trình xác lập những vị trí chiếm đóng của quân đội viễn chinh tại Nam Kỳ, bao gồm 4 tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và Vĩnh Long, tính đến cuối tháng 3.1862. Tuy nhiên, do vấp phải những trở ngại về mặt tổ chức và binh định, đô đốc Bonard mong muốn tiến hành đàm phán hòa bình với triều đình, hiển nhiên là đứng trên thế mạnh của những chiến thắng quân sự liên tiếp, song không lấy gì đảm bảo chắc chắn về sự đồng thuận trong việc mở ra một cuộc thương lượng. Bức thư của quan Thương Bạc đại diện triều đình Huế gửi cho đô đốc Bonard ngày 25.4.1862 theo tàu chiến Forbin tại Bình Thuận⁽¹⁾ đã thực hiện một sứ mệnh đặc biệt trong cuộc chiến tranh Pháp - Việt.

Đầu tháng 5.1862, đô đốc Bonard sai người đến Huế đưa thư đáp lại lời đề nghị đàm phán. Hoàng đế Tự Đức cho trưng cầu ý kiến, được các quan đầu triều tán thành. “Thư đưa nói 3 việc: một việc là đặt toàn quyền; một việc là bồi trả quân nhu; một việc là đưa trước 10 vạn quan tiền để làm tin... Vua nói: tạm thời khuất mình, tạm thời chịu phí, mà có thể cứu được quân dân, không bị mất đất đai thì nên lắm”⁽²⁾. Lần này Bonard chỉ mới đưa ra 3 điều kiện ban đầu để xúc tiến hội đàm mà chưa công bố từng điều khoản cụ thể. Tuy nhiên, dựa trên bản yêu sách 14 khoản của đô đốc Charner từng đề xuất, triều đình Tự Đức cũng đã sắp đặt trước nội dung làm việc tại Sài Gòn với một quan điểm tương đối rạch ròi, trong đó nhấn mạnh 2 vấn đề rằng: “... đất đai quyết không thể nào cho được, tà giáo quyết không cho tự do tuyên truyền được”⁽³⁾.

Dẫu vậy, những tình huống dường như nằm ngoài dự kiến vẫn bất ngờ xảy ra. Hai viên chánh, phó sứ đại thần là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp, “... bèn đem đất 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhường cho Tây Dương, lại nhận số bạc bồi quân phí đến 400 vạn đồng (ước tính đến 280 vạn lạng bạc), và lập nhà giảng đạo, mở phố thông thương, gồm 12 điều khoản, chép làm hòa ước...”⁽⁴⁾. Ngày 5.6.1862, bản hiệp ước ký kết tại Sài Gòn, thường được gọi là Hiệp ước Sài Gòn, hoặc gọi tên người thiết kế ra nó, Hiệp ước Bonard. Triều đình Tự Đức thì nói đó là Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) và vị hoàng đế vốn nổi tiếng là một trong những người Việt Nam uyên bác bậc nhất⁽⁵⁾ nhưng nhiều bất hạnh này chỉ kịp thốt lên chua chát: “... thương thay con đồ của lịch triều, nào có tội gì? Rất là đau lòng”⁽⁶⁾.

2. Hiệu ứng của Hiệp ước Bonard

Việc chấp nhận đặt bút ký các điều khoản trong Hiệp ước Bonard của hai viên sứ thần Phan - Lâm đã bị triều thần chỉ trích gay gắt vì cho

rằng có nhiều điều không hợp lý. Song, "... điều ước mới định, nếu vội sửa đổi ngay, sợ họ còn tức khí, chưa chắc đã nghe ngay. Xin chuyên trách hai viên ấy ở gần bàn tính châm chước dần dần để chuộc lỗi trước, hãy đợi khi sai sứ tới hỏi, nhân cơ mà châm chước nghĩ định. Nhưng lại cho là xếp đặt không giỏi. xin bắt tội. Vua nói: bây giờ há có người hiền tài nào mà đổi hết được du? Bèn cho Thanh Giản lãnh tổng đốc Vĩnh Long, Duy Thiếp lãnh tuần phủ Thuận - Khánh cùng với tướng nước Phú [Pháp] biện bác để chuộc tội"⁽⁷⁾. Đó là hai tỉnh giáp ranh với khu vực nhượng địa dành cho Pháp. Rõ ràng, thất bại không phải ở chỗ sứ thần kém tài mà tùy thuộc vào cấp độ khó khăn của thời cuộc. Trước áp lực gia tăng đến từ nhiều phía, nhất là sự thất bại nhanh chóng của quân đội ở mặt Nam và hàng loạt mưu toan chính trị rúng rối trên xứ Bắc, triều đình Tự Đức phải tạm thời chấp nhận các điều kiện của đối phương đưa ra. Hoàng đế Tự Đức đã trực tiếp biện hộ cho sự ủy thác của chính mình đối với hai viên đặc sứ tín thuộc.

Mặt khác, trong khi phải căng thẳng đương đầu về mặt quân sự tại Nam Kỳ, triều đình Huế còn bị bao vây kinh tế bởi kế hoạch phong tỏa bờ biển từ thời đô đốc Charner và chiến dịch quấy rối giao thương của đô đốc Bonard. Sự xuất hiện thường xuyên các tàu chiến Pháp trên vùng biển Nam Kỳ và Trung Kỳ khiến cho việc chuyển vận lương thực từ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ theo hải trình Nam - Bắc bị ngăn chặn. Không chỉ quân trú phòng tại Bình Thuận rơi vào thế cô lập mà công tác tiếp tế cho kinh thành Huế càng trở nên đặc biệt khó khăn. Hoàn cảnh đó buộc hoàng đế Tự Đức không thể trì hoãn việc điều đình với Pháp để thiết lập hòa bình.

Trên thực tế, khó khăn dồn về phía triều đình Huế phức tạp gấp nhiều lần. Chiêu bài phục hưng nhà Lê để chống lại triều Nguyễn được trưng ra phổ biến, song những cuộc nổi dậy ở Bắc Kỳ mà nguyên nhân "... bắt nguồn từ khủng hoảng kinh tế hơn là sự gắn bó với triều Lê cũ..." cho thấy một nghịch lý đáng buồn rằng "... nếu ai đó nổi lên chống nhà cầm quyền thì chắc chắn sẽ có người ủng hộ: chiến tranh là một phương cách sống trong thời buổi khó khăn"⁽⁸⁾. Cùng với đó, sự nhúng tay của thế lực thừa sai quá khích khiến các cuộc nổi loạn càng thêm dai dẳng, điển hình là phe nhóm do Lê Duy Phụng cầm đầu, kẻ mạo nhận dòng họ Lê, với tên thật là Tạ Duy Phụng, vừa nhận được sự trợ giúp tài chính và vũ khí của người Bồ Đào Nha ở Macao vừa liên kết với nhóm Nguyễn Văn Thịnh và giặc biển Tàu Ô. Nguyễn Văn Thịnh ở Bắc Ninh, nguyên làm cai tổng, theo đạo Kito, cũng nêu danh nghĩa phù Lê và có liên hệ các băng đảng nhà Thanh đang tung hoành ngoài biển. Tạm thời đình chiến với Pháp ở Nam Kỳ, khoảng 2 tháng sau khi ký hiệp ước, hoàng đế Tự Đức triệu tập thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận về Huế, yêu cầu: "Nay khanh ở triều, để phòng ta hỏi han mọi việc, hoặc là đi đánh dẹp bọn giặc miền Bắc"⁽⁹⁾. Sau đó, Nguyễn Tri Phương được

sung làm Tây Bắc tổng thống quân vụ đại thần, cầm binh ngược ra Bắc phối hợp với nhiều tướng tá dày dặn kinh nghiệm trận mạc khác là Vũ Trọng Bình, Trương Quốc Dụng, Đào Trí, Phan Tam Tỉnh... tổ chức ổn định tình hình.

Trong lúc Hiệp ước Bonard chưa đến kỳ hạn phê chuẩn, hoàng đế Tự Đức tiếp tục khích lệ hoặc bí mật tranh thủ các lực lượng kháng chiến còn đang hoạt động trong vùng nhượng địa Đông Nam Kỳ tấn công các đồn binh của Pháp, như: “Thường cho quân nghĩa dũng ở Định Tường đã nổi dậy bắt được cỗ súng lớn của giặc. Lại xét những người trung nghĩa hăng hái, mà công trạng có thể nêu khen được, đều kê tên tâu lên”; ngầm khen Trương Định cùng binh dân ứng nghĩa với dụng ý rằng “... lòng người như thế, cũng là một sự giúp cho cuộc mưu tính lấy lại...”⁽¹⁰⁾; động viên triều thần một cách đầy nhiệt huyết: “... hòa ước là do sự bất đắc dĩ (...) cần nên xếp đặt, không nên tạm yên cho qua ngày tháng”⁽¹¹⁾. Đặc biệt, báo cáo từ Sài Gòn vào tháng 12.1862 cho biết: một “cuộc tổng nổi dậy” nổ ra, nghiêm trọng đến nỗi Bonard phải kêu gọi trung tâm Hải quân ở Biên Nam Trung Hoa (tức Biên Đông) giúp đỡ⁽¹²⁾. Rõ ràng quân Pháp cũng rất khôn ngoan cho dù đang thu nạp thắng lợi.

Sự hậu thuẫn chắc chắn và to lớn của triều đình Huế đối với cuộc kháng chiến của Trương Định vào thời điểm hết sức nhạy cảm này là điều đã được phía Pháp khẳng định có cơ sở. Quan điểm về việc dùng tiền chuộc đất của hoàng đế Tự Đức vô tình bị lộ diện trong bản tuyên ngôn của quân khởi nghĩa do Bình Tây Đại Nguyên soái tuyên cáo trước quan binh tỉnh Vĩnh Long: “Dân tình ba tỉnh thường tâm sự với nhau rằng nếu giặc [Pháp] muốn ta phải chuộc lại ba tỉnh thì cứ việc cho biết là đòi bao nhiêu ngàn bạc rồi ta sẽ trả; nhược bằng ba tỉnh ấy phải tách lìa khỏi vương quốc thì, như lời dân chúng đã nói ‘chúng ta chết chứ không chịu làm tôi tớ cho giặc’”⁽¹³⁾. Báo cáo tường trình của trung tướng hải quân Bonard gửi lên Bộ trưởng bộ Ngoại giao Pháp quốc đề ngày 27.1.1863 cho biết những nhận định xác thực về thái độ và hành động của đối phương như sau: “Bản tuyên ngôn do Quân Định, người cầm đầu cuộc bạo động ở Gò Công mới gửi tới tề doanh dường như hoàn toàn xác nhận những xét định mà bản chức đã đệ trình Các hạ. Triều đình Huế và quân khởi nghĩa cùng nhằm chung mục đích buộc chúng ta phải rời bỏ đất Nam Kỳ; thường hoạt động ngầm và ẩn bí, tất nhiên chính phủ An Nam điều khiển cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa nhằm thu hồi toàn vẹn Nam Kỳ. Cũng như triều đình Huế, Quân Định muốn buộc chúng ta phải triệt thoái khỏi các tỉnh mới chiếm được...”⁽¹⁴⁾.

Như vậy, theo triều đình Huế, chấp nhận hòa hoãn tạm thời với Pháp nhằm phá vỡ thế bị bao vây về kinh tế, bế tắc về quân sự, dồn ép về chính trị và rối loạn về xã hội. Những nỗ lực ngoại giao sắp tới sẽ tạo ra điều kiện mới để triều đình kỳ vọng thu hồi bộ phận đất đai đã mất về tay người Pháp tại Nam Kỳ.

3. Cuộc vận động ngoại giao của triều đình Huế

Mặc dù việc phê chuẩn Hiệp ước Bonard đã kết thúc tại Huế vào giữa tháng 4.1863, hoàng đế Tự Đức vẫn “hy vọng đạt được ở Paris điều bị từ chối ở Sài Gòn”⁽¹⁵⁾. Mục đích đó được đề cập ngay sau Lễ trao đổi Hiệp ước: “Các phẩm hạng tặng vua 2 nước [Pháp và Tây Ban Nha - TG] và tướng sứ trở xuống có thứ bậc khác nhau. Lần này gửi sứ thần đem về tặng vua 2 nước các phẩm vật như nhau. Đến tháng 5 [tức khoảng tháng 6.1863 - TG] sang Tây Dương tặng vua nước Phú [Phú Lang Sa/Pháp] có phần hơn vua nước I [I-pha-nho/Tây Ban Nha]. Bọn Trần Tiễn Thành bàn bắt các quan trong kinh ngoài các tỉnh góp tiền để mua các hạng tặng họ. Vua mắng rằng: Trong ngoài đều bảo nhau là của phi nghĩa một mảy may cũng không lấy, chỉ nghĩ làm sao cho ích nước lợi dân thôi. Lấy lại được cõi đất của ta, thì quân dân đều chịu ơn cả. thế là trăm đã nương nhờ nhiều lắm vậy”⁽¹⁶⁾. Viên đô đốc Bonard cũng nhận ra kỳ vọng này trong bản báo cáo gửi về Pháp: “Ý kiến gửi một phái bộ sang Paris yết kiến Hoàng đế, đã được chính thức nêu lên nhiều lần... vua An Nam không có thời gian gửi lên Hoàng đế những tặng phẩm xứng đáng với ngài, nên xin bù đắp những thiếu sót này ngay khi được phép cử một phái bộ tới yết kiến Hoàng đế Napoléon”⁽¹⁷⁾.

Như vậy, hoàng đế Tự Đức mượn cơ tặng quà để tham vấn và làm lay động trực tiếp vị hoàng đế đầy uy quyền của nước Pháp mà theo ông, đủ đạo đức lẫn hiểu biết để nhận ra những hành vi sai lệch và vượt cấp của các viên sĩ quan thuộc hạ ở Nam Kỳ. Tháng 6.1863, khởi động cho hành trình qua Pháp sắp tới, hoàng đế Tự Đức gửi thư cho Napoléon biện giải rằng các đặc sứ toàn quyền của Pháp và Tây Ban Nha tham dự các cuộc thương thảo đã chỉ đề cập đến việc truyền bá đạo Thiên Chúa và sự tự do thương mại, nhưng bản Hiệp ước lại áp đặt lên vương quốc Đại Nam không chỉ khoản tiền bồi thường chiến phí khổng lồ mà còn cả sự chia cắt lãnh thổ, và là phần đất phì nhiêu đáng quý nhất, trong khi 6 tỉnh của miền hạ lưu Nam Kỳ cấu thành một bộ phận lãnh thổ không thể tách rời...⁽¹⁸⁾. Đến trước ngày sứ bộ lên đường, hoàng đế nước Đại Nam còn thận trọng huấn thị lần cuối: “Chuyến đi lần này đã định liệu trước là phải nói thế nào cho tất được. Nếu họ không nghe, thì nên ở lưu lại mà nói, cốt cho chuyển động lòng họ... quốc thư nên đệ tới quốc trưởng, chớ để cho người đương sự làm lấp liếm đi”⁽¹⁹⁾. Cũng nhân dịp này, nhà vua trực tiếp chất vấn Phan Thanh Giản, được chọn bổ chức chánh sứ: “Khanh trước đây chuyên ý bỏ 3 tỉnh ấy, hẳn là đã cân nhắc nặng nhẹ mà làm, hay có ý gì khác? Thưa rằng: thần xem thời thế đã kỹ, không làm thế không được”⁽²⁰⁾. Rõ ràng, hành động ký kết Hiệp ước Nhâm Tuất của Phan Thanh Giản không nằm ngoài sự trù tính của chính người đứng đầu triều đình Huế vào thời điểm cực kỳ căng thẳng giữa năm 1862.

Không chỉ có thế, Hiệp ước Bonard đã bị thượng thư bộ Hộ kiêm trách các công việc ngoại giao Trương Đăng Quế phản đối kịch liệt. Quan đại thần họ Trương lên tiếng trong bức thư gửi đến viên đô đốc: “Đế quốc cao cả của ngài, chỉ phải lựa chọn địa điểm được xem là phù hợp nhất cho một cơ sở thương mại tại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Về sự sở hữu hoàn toàn đảo Côn Sơn (Poulo Condor) bởi Đế quốc cao cả của ngài, chính phủ chúng tôi hoàn toàn thừa nhận”⁽²¹⁾. Đó cũng chính là hành động vượt cấp của Bonard mà hoàng đế Tự Đức đã chỉ trích. Phản ứng của Trương Đăng Quế khiến Bonard ngỡ rằng vị đại thần đứng đầu phe chủ chiến của triều đình Huế này đã bí mật hỗ trợ cho các lực lượng kháng chiến tại Nam Kỳ đồng loạt nổ ra cuối năm 1862, qua điều kiện đưa ra của quân khởi nghĩa: “Nếu các ông muốn hòa bình vào lúc này, không có gì khó khăn cả; hãy trả lại cho nhà vua chúng tôi phần đất mà các ông chiếm đoạt. Chúng tôi chỉ chiến đấu cho mục tiêu này thôi. Các ông có muốn nhận khoản tiền chuộc hậu hĩ cho phần lãnh thổ của chúng tôi hay không? Chúng tôi sẽ vui lòng đồng ý... các ông còn muốn có một địa điểm trên lãnh thổ, nơi mà các ông có thể lui tới để buôn bán hay không? Chúng tôi sẽ thỏa thuận về điểm đó”⁽²²⁾. Còn đây là tuyên bố của viên tư lệnh tối cao lực lượng kháng chiến Nam Kỳ, thống chế Trương Định: “... người dân trong sự phẫn nộ sẽ kháng cự cả 2 chính phủ một khi các tỉnh không được hoàn trả với một khoản tiền chuộc và khi không còn tuân theo các mệnh lệnh của chính phủ của mình, họ sẽ chỉ cần biết rằng họ đang hành động theo sự hợp lý”⁽²³⁾. Trước áp lực mà cũng là tác động hậu thuẫn mạnh mẽ đó, triều đình Huế càng đẩy nhanh cuộc xúc tiến thương thuyết với Pháp để sửa đổi bản hiệp ước đã ký ngày 5.6.1862.

Ngày 21.6.1863, Phan Thanh Giản dẫn đầu sứ đoàn gồm 64 thành viên rời Huế vào Sài Gòn, đáp tàu Européen và sau đó tàu Labrador đi Paris và Madrid yêu cầu xét lại Hiệp ước Bonard. Ngày 13.9.1863, sứ đoàn đặt chân lên thủ đô Pháp quốc và được tiếp đón trọng thể bởi Aubaret, nhà thương thuyết chính của Hiệp ước, cùng đô đốc Bonard và nhiều quan chức cao cấp khác.

Đoàn có nhiều hoạt động ngoại giao trên đất Pháp trong suốt thời gian lưu trú, tuy nhiên sứ mệnh của chuyến đi luôn được các sứ thần lo lắng và nỗ lực giải quyết. Bức thư của hoàng đế Tự Đức đã sớm chuyển đến hoàng đế Napoléon, mặc dù cuộc diện kiến giữa sứ đoàn với người quyền lực nhất nước Pháp diễn ra tận gần 2 tháng sau, vào ngày 5.11.1863. Trong thư, hoàng đế nước Đại Nam đặc biệt nhắc đến điều khoản liên quan việc đòi đất mà theo ông, vì để khởi nghi ngờ thiện chí hòa bình của mình, ông đã phải chấp nhận điều khoản này, cho dù rõ ràng Bonard không đủ thẩm quyền đòi hỏi như vậy, với lời đề nghị: “để đổi việc chuộc lại 3 tỉnh, phía Việt Nam sẽ nhường thành Sài Gòn, một địa điểm nào đó do người Pháp lựa chọn trong tỉnh Định Tường, bên ngoài thành Mỹ Tho, cảng Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Biên Hòa, và đảo Côn

Lôn”, gần đúng như những gì báo chí Pháp loan tin nhưng không được chính quyền thừa nhận lẫn phủ nhận, ngay khi sứ đoàn vừa đến Paris: “Tự Đức đền bù cho nước Pháp khoản tiền chiến phí 70 triệu để hủy Hiệp ước. Ngoài ra, nhà vua còn nhường những cảng tốt nhất trong vương quốc, để Pháp thiết lập các vị trí, giúp việc thực thi ảnh hưởng của Pháp tại vùng biển Đông Dương. Thêm nữa, chế độ bảo hộ của nước Pháp được long trọng thừa nhận trên toàn cõi An Nam”⁽²⁴⁾.

Thái độ của chính quyền Pháp đối với mục đích của sứ đoàn triều đình Huế nói chung là rất phức tạp. Tuy nhiên, nguyên tắc trả lại 3 tỉnh đổi lấy chiến phí được công nhận và Aubaret được chính phủ ủy quyền biên soạn Dự thảo Hiệp ước. Ý kiến cuối cùng hoàng đế Napoléon III, “và chỉ mình ông, đã quyết định đi theo một đường lối mới ở Nam Kỳ”, đó là: “Nguyên tắc trả lại đất được chấp thuận, lệnh được đưa ra cho các nhà thương thuyết để xác định mục tiêu mỗi bên cần đạt”⁽²⁵⁾. Có thể đánh giá rằng, cho dù các sứ thần của triều đình Huế không trực tiếp tham gia vào việc soạn thảo, mà điều này dường như nằm trong dự kiến chương trình làm việc của sứ đoàn, bởi theo lời của Aubaret: “Các sứ thần rõ ràng muốn hạn chế thảo luận đề tài riêng, và tuyên bố các cuộc họp hành, chỉ được xem như trao đổi trong tinh thân hữu...”⁽²⁶⁾, rốt cuộc nhà thương thuyết Phan Thanh Giản và các cộng sự của ông đã hoàn thành sứ mệnh do chính hoàng đế Tự Đức ủy thác. Thận trọng hơn, họ Phan còn tìm cách kéo dài thời gian để bàn bạc kỹ lưỡng các điều khoản của Hiệp ước mới tại Huế, trước khi hội kiến với phái đoàn Pháp. Aubaret báo cáo lên Bộ trưởng Ngoại giao như sau: “Sứ thần đã năn nỉ tôi để cho họ có thời gian đệ trình Dự thảo Hiệp ước lên vua An Nam và các cố vấn cấp cao, với những hiểu biết chín chắn về vấn đề này. Do đó, họ muốn tôi đừng tới Huế trước tháng Tư. Thời tiết trước đó rất tệ, và phái bộ An Nam chỉ có khả năng trở về kinh đô vào khoảng tháng Ba, có lẽ việc này cũng để chiều ý họ”⁽²⁷⁾. Thực tế, sứ đoàn về tới Sài Gòn ngày 18.3.1864 và đi Huế ngay ngày 24.3, còn phái đoàn Pháp khởi hành đến Huế từ Sài Gòn ngày 14.6, cách tới gần 3 tháng sau.

4. Dự thảo Hiệp ước Aubaret

Cuộc thương thảo chính thức bắt đầu tại Huế từ ngày 23.6 và chấm dứt ngày 15.7.1864 trong sự tranh luận chặt chẽ và sôi nổi như bù lại không hòa dịu như ở Paris. Trong số 21 điều của bản Dự thảo Hiệp ước do Aubaret soạn ra, nhiều điều khoản đã bị sửa đổi hoàn toàn bởi sự phản đối mạnh mẽ của triều đình Huế. Các điều khoản quan trọng nhất đã được thỏa thuận như sau.

- Về điều khoản tài chính: phía Pháp quy định số tiền chuộc của triều đình Huế hàng năm là 3 triệu Phật lạng trong 3 năm đầu tiên và 2 triệu cho các năm kế tiếp, chưa kể khoản tiền bồi thường chiến phí ghi trong Hiệp ước 1862.

Phía triều đình không đồng ý mức yêu cầu trên. Aubaret chuyển lên chính phủ Pháp định đoạt với mức đề xuất: triều đình Huế cam kết trả trong vòng 40 năm liên tục số tiền 2 triệu Phạt lãng, không tính 20 triệu chiến phí.

- Về điều khoản lãnh thổ: Pháp trả lại cho triều đình Huế 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường; triều đình xác nhận 8 vị trí chiếm đóng của Pháp nằm rải rác trong khu vực các tỉnh đã trả.

- Về điều khoản chính trị: triều đình Huế từ bỏ quyền hạn trên vương quốc Cao Miên, chấp nhận chế độ đô hộ trên đất Nam Kỳ nhưng buộc Pháp phải cam kết rằng chế độ đô hộ này không dẫn tới bất cứ ý tưởng nào về thân phận chư hầu.

- Về điều khoản tự do thờ phụng: Kito giáo được đảm bảo tự do thờ phụng trên lãnh thổ Đại Nam đối với cả 2 phía; triều đình cam kết trao trả các thừa sai vi phạm pháp luật sở tại cho Pháp, đổi lại Pháp phải giao các linh mục và tín đồ bản xứ phạm pháp cho triều đình xét xử.

- Về điều khoản thương mại: người Pháp tự do buôn bán ở Nam Kỳ tại các địa điểm đã được quy định cùng với 3 cảng Tourane (Đà Nẵng), Ba Lạt, Quảng Yên; khi vào sâu nội địa, người Pháp phải có giấy phép thông hành của chính quyền sở tại.

Hoàng đế Tự Đức với mối e ngại sâu sắc các tác động chính trị hơn là tác động kinh tế, do đó sứ thần của triều đình đã tranh cãi căng thẳng suốt 10 ngày với các nhà ngoại giao đối phương. Aubaret báo cáo lên Bộ Ngoại giao: “Hiệp ước [chính trị - TG], như chúng ta thấy, chỉ đạt được sau 10 ngày, với những tranh cãi kéo dài nhất, sôi nổi nhất, trong thời gian đó, hai ba lần tôi đã quyết liệt đòi chấm dứt hội nghị”⁽²⁸⁾. Sau cùng, hai Hiệp ước Chính trị và Hiệp ước Thương mại được phê chuẩn ngày 15.7.1864. Aubaret, người trực tiếp soạn và thương thuyết Dự thảo Hiệp ước rời kinh đô Huế ngày 20.7.1864.

5. Tận dụng cơ hội hòa bình

Chắc chắn quân Pháp đã không hoàn toàn dỡ bỏ lệnh phong tỏa bờ biển sau Hiệp ước Bonard, song việc tiếp vận lương thực từ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ ra Trung Kỳ đã được nói lỏng, như thỏa thuận trong Điều 10 ở chương I rằng: chính quyền Đại Nam “... không được phép di chuyển quân sĩ, khí giới, quân nhu, thực phẩm ngang qua khu vực nhượng địa [3 tỉnh miền Đông - TG]. Chỉ trừ các tàu buôn đến từ 3 tỉnh miền Tây được phép qua lại”⁽²⁹⁾. Tuy vậy, do tình trạng mất mùa và chiến tranh nên không chỉ miền Trung mà ngay các tỉnh Nam Kỳ cũng xảy ra đói kém. Xác nhận của triều đình Huế vào thời điểm tháng 8 năm Quý Hợi (tức khoảng tháng 9.1863): “An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long dân khó kiếm ăn. Sai phát thóc kho để phát chẩn (...) Bình Định, Khánh Hòa... đều bị đói, đều chẩn cấp và bán thóc cho dân”⁽³⁰⁾. Theo lời bàn của bộ Hộ, “... cho các tỉnh từ Nghệ An trở ra Bắc, cứ các thuyền buôn hiện đậu

ở đây, cấp bằng cho đi đong nhiều gạo chở vào bán cho dân từ Bình Định trở vào Nam, để lấy lời nhiều, miễn thuế thuyền cho”⁽³¹⁾.

Số lượng tàu thuyền thống kê hàng năm cho thấy, trong khoảng thời gian năm 1860-1865, trừ hai năm 1862 và 1865, hoạt động chuyên vận lương thực và hàng hóa đường biển từ các tỉnh về kinh đô tương đối ổn định với vài trăm chiếc trở lên. Với mốc năm 1862, Pháp thúc bách triều đình đến với Hiệp ước Bonard, còn mốc năm 1865, Pháp xé bỏ Hiệp ước Aubaret và đẩy mạnh chính sách bành trướng ở Nam Kỳ, từ đó lệnh phong tỏa của Pháp được thi hành triệt để nhằm tăng cường áp lực lên đối phương. Sau khi ký Hiệp ước ngày 5.6.1862 và cùng với tiến trình thương thuyết của phái bộ Phan Thanh Giản, nhịp độ vận tải công (kể cả tàu tuần tiễu trên biển) của triều đình phần nào đã được phục hồi trong các năm tiếp theo 1863, 1864.

Năm	Số lượng tàu thuyền công (chiếc)	Bị chìm, mất
1860	317	17
1861	583	50
1862	59	3
1863	290	45
1864	213	11
1865	96	17

(Lưu ý: số tàu thuyền bị chìm, mất không nói lên một cách toàn cục rõ ràng hành động đánh phá của hải quân Pháp, bởi tổn thất này có thể do gió bão hoặc do cướp biển gây ra)

Trong khi tình hình các phe nhóm chống đối hoạt động ráo riết nhiều nơi ở Bắc Kỳ, lại liên kết với các băng đảng Tàu Ô tràn lan ngoài mạn biển phía Đông, triều đình đã tận dụng lợi thế đang hòa hoãn với Pháp ở Nam Kỳ để tập trung binh lực ra sức trấn dẹp.

Ngoài lực lượng nổi dậy của Nguyễn Văn Thịnh và Tạ Duy Phụng, tháng 9.1862 “... giặc Huân [mao danh họ Lê, gọi là Lê Duy Huân, được Nguyễn Văn Thịnh suy tôn - TG] cùng với bọn thổ phi Tuyên Quang là Nông Hùng Thạc và toán giặc hạt nước Thanh là Hoàng Anh [Hoàng Sùng Anh, thủ lĩnh nhóm giặc Cờ Vàng - TG] họp bọn lũ với nhau (hơn 1 vạn người)”⁽³²⁾ chiếm lấy tỉnh thành. Nguyễn Tri Phương kịp thời có mặt để tìm cách ứng phó. Tại Cao Bằng, giặc cướp Trung Hoa là Lý Hợp Thắng, Chu Chí Vãn đem 2.000 quân bao vây, bị viện binh triều đình tiến công tiêu diệt. Cuối năm 1862, quân thứ Hải - Yên đánh đâu được đấy, lấy lại tỉnh thành Quảng Yên. Sau đó, Tạ Duy Phụng tổ chức phản công với một lực lượng gồm 300 tàu chiến, thuê thêm “2 chiếc tàu của Tây Dương, 10 chiếc thuyền của người Thanh”⁽³³⁾, giăng co với quân đội triều đình và bị tổn thất nặng nề. Các toán quân của Nguyễn Văn Thịnh và Lê Duy Huân cũng phải rút nhiều vị trí ở Bắc Ninh và Thái Nguyên.

Thành tích của các tướng lĩnh được vinh danh vào dịp đầu năm mới Quý Hợi [1863], chứng tỏ hoàng đế Tự Đức đã phân nào voi bót nổi lo ở một đầu của vương quốc: Nguyễn Tri Phương và Trương Quốc Dụng đều thăng thụ hiệp biện đại học sĩ, Đào Trí thăng thụ đô thống...

Tháng 4.1863, quân triều đình thu phục tỉnh thành Tuyên Quang, sào huyệt của Nông Hùng Thạc bị đốt phá, Lê Duy Huân bị các đầu mục người Thổ đóng cũi giải giao. Tiếp đó, Nguyễn Tri Phương tiến đánh lấy lại thành Thái Nguyên sau 8 tháng bị đối phương khống chế, bắt sống Lê Văn Thanh, ngụ xưng là đại vương Lam Sơn chính thống. Đến đây, miền Tây Bắc tạm thời ổn định.

Khoảng tháng 6.1863, Hắc Nho, đạo trưởng người Tây Ban Nha xưng là nguyên soái, dẫn một đội thuyền binh trên 200 chiếc đánh vào Quảng Yên hỗ trợ cho băng nhóm Tạ Duy Phụng, nhưng đã bị Thủy đạo thống chế Hải - Yên Lê Quang Tiến tiêu diệt. Đến tháng 10, chúng lại huy động 500 chiến thuyền chiếm giữ Cát Bà và Đồ Sơn, chia đi chặn cướp thuyền buôn. Đầu năm 1864, hoàng đế Tự Đức ra dụ: “Hạn cho trong 3 tháng mùa xuân này phải yên tĩnh cả một loạt, để ta đỡ lo về miền Bắc”⁽³⁴⁾, tuy nhiên do tình hình giặc cướp Trung Hoa tràn sang ngày một đông hơn, vùng biển Đông Bắc càng trở nên phức tạp. Trong một trận đụng độ không cân sức vào tháng 7, nhiều tướng tá của triều đình đã tử trận, có cả hiệp thống đại thần Trương Quốc Dụng. Phải sau nhiều lần liên tục điều quân tiếp viện, đến đầu năm 1865, nạn giặc biển Bắc Kỳ mới tạm dẹp yên. Tháng 12 năm Ất Sửu (Tự Đức thứ 18/1865), hoàng đế Tự Đức long trọng tuyên bố: “việc võ công ở quân thứ Hải - Yên đã cáo thành, kính dâng lễ tạ các thần kỳ đã ban phúc cho (...) còn các việc: khai hoàn, uống rượu, quân về đến nơi thưởng công, ban ơn, sai dự định thi hành”⁽³⁵⁾.

Cuối năm 1865, băng đảng nguy hiểm nhất do Lê Duy Phụng cầm đầu tan rã hoàn toàn. Một án quyết với nhiều tội danh dâng lên hoàng đế, trong đó ngụ minh chủ Tạ Duy Phụng bị lăng trì xử tử. Triều đình cơ bản đã lập lại trật tự chính trị - xã hội ở Bắc Kỳ, trừ các băng đảng giặc cướp Trung Hoa tiếp tục quấy nhiễu về sau.

6. Quyết định cuối cùng của chính phủ Pháp

Bản Dự thảo Hiệp ước Aubaret ký kết vào ngày 15.7.1864 là một thắng lợi tuyệt hảo đối với triều đình Huế. Nếu trong lúc 2 sứ đoàn còn đang đàm phán sôi nổi, cho dù có sự hối thúc từ phía đại diện của chính phủ Pháp ở Nam Kỳ, “Triều đình Huế vẫn chưa thanh toán 2.400.000 quan chiến phí, mắc nợ từ nhiều tháng nay” như tờ báo *La Patrie* đưa tin tại Pháp ngày 13.6.1864, thì khi những thỏa ước của Dự thảo được châu phê, hoàng đế Tự Đức vội vã trao chiến phí năm 1864 tận tay Aubaret, và phái viên Charles Duval với tư cách người làm chứng, rằng “Mặc dù tài

chính eo hẹp, Tự Đức đã trao 2.500.000 quan, để thanh toán chiến phí tính đến ngày 15.12.1864, theo qui định của Hiệp ước Sài Gòn”⁽³⁶⁾.

Tuy nhiên, với những toan tính ở tầm chiến lược của một đế quốc đang trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt với các đối thủ xuất phát ngay tại quê hương Âu châu của nó, nước Pháp đã đi đến chỗ chống lại Dự thảo Hiệp ước mà chính họ đã chỉ thị cho Aubaret soạn ra. Vừa lúc Aubaret từ Sài Gòn chuẩn bị xuống tàu đi Huế để tiến hành đàm phán, ngày 6.6.1864 tại Paris, Bộ trưởng Ngoại giao Drouyn de Lhuys cũng vừa đặt bút ký phản lệnh yêu cầu Aubaret ngừng thương lượng. Và khi Aubaret vừa rời kinh đô Huế và còn đang ở ngoài khơi bờ biển Đại Nam thì bức phản lệnh kia mới đến tận tay.

Đến ngày 20.1.1865, đô đốc De la Grandière gửi bằng đường bộ nguyên bản các văn kiện thông báo với triều đình Huế quyết định giữ nguyên bản Hiệp ước năm 1862, mà bản sao các văn kiện này sau đó được tiếp tục gửi qua đường biển đến cảng Tourane (Đà Nẵng). Và thật trớ trêu, vì “... lá thư trong đó Grandière loan báo quyết định của Pháp quốc đung độ với một lá thư từ vị thượng thư bộ Hộ của An Nam trong đó ông hỏi thăm về ngày và tháng mà các đặc sứ toàn quyền sẽ khởi hành sang Huế để trao đổi các sự phê chuẩn bản Hiệp ước mới. Grandière đã trả lời sự dò hỏi này bằng lời tuyên bố đơn giản rằng nó không còn giá trị nào nữa”⁽³⁷⁾.

Ngày 1.4.1865, đô đốc Roze, thống đốc Nam Kỳ tạm quyền trong thời gian De la Grandière vắng mặt, phát ngôn tại Sài Gòn: “Phần đất chiếm ở Sài Gòn sẽ vĩnh viễn thuộc Pháp, chính quyền của Hoàng đế [Napoléon III] đã tuyên bố như vậy”⁽³⁸⁾. Dấn xa hơn, trong báo cáo gửi Bộ trưởng Hải quân ngày 26.11.1865, vừa đúng ngày chuyển giao quyền đô đốc cho Grandière, Roze kết luận: “việc sáp nhập 3 tỉnh miền Tây là điều không tránh khỏi”⁽³⁹⁾. Rõ ràng Hiệp ước Aubaret đã bị xé bỏ. Từ đây nước Pháp ngang nhiên theo đuổi chính sách bành trướng đối với Nam Kỳ nói riêng, Đại Nam và Đông Dương nói chung.

Nhận xét

Nhìn lại bức tranh xám xịt về tình hình thời cuộc của vương quốc Đại Nam vào nửa đầu thập niên 60 thế kỷ XIX, có thể nhận thấy đường hướng thức thời mà triều đình Huế kiên trì vận dụng. Từ thực tế đối đầu trực diện về thực lực quân sự với đế quốc Pháp, hoàng đế Tự Đức bằng vào nhận thức uyên bác của mình đã tinh táo tìm đến giải pháp mang tính chất hòa hoãn kéo dài nhằm tái lập một nền hòa bình trong điều kiện có thể. Chấp nhận Hiệp ước Bonard do tình thế thúc ép, hoàng đế Tự Đức một mặt ra sức vận động Pháp quốc đồng thuận với những thỏa ước hợp lý và bình đẳng vì lợi ích đất nước, mặt khác dồn sức trấn áp các lực lượng chống đối ở Bắc Kỳ với quy mô một cuộc nội chiến mà thành phần can dự hết sức phức tạp, chưa kể đám giặc cướp Trung Hoa tràn sang ở

cả hai hướng nội địa và hải đảo. Từ Hiệp ước Bonard ngày 5.6.1862 đến khi chính thức nhận được thông báo hủy bỏ Hiệp ước Aubaret và viết thư phản hồi ngày 15.2.1865, triều đình Huế đã trải qua một tiến trình hòa bình thực sự cần thiết để ổn định nhiều mặt của vương quốc, trước khi tiếp tục đương đầu và tìm ra cách giải quyết hàng loạt thách thức mới nảy sinh.

CHÚ THÍCH

(1), (8), (12), (15), (17), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (36), (38), (39). Trương Bá Càn (2011), *Hoạt động ngoại giao của nước Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ 1862-1874*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr.66, 61, 70, 71, 108, 105, 107, 115, 118, 46, 142, 152, 164.

(2), (3), (4), (6), (7), (9), (10), (32), (33). Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam thực lục*, tập XXIX, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.297, 301, 301-302, 302, 305, 322, 334, 325, 350.

(5). Yoshiharu Tsuboi (2011), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội, tr.224.

(11), (16), (19), (20), (30), (31), (34), (35). Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam thực lục*, tập XXX, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.18, 11, 22, 25, 32, 37, 50, 288.

(13), (14). Nguyễn Văn Cư (dịch) (1971), *Vài tài liệu Pháp về cuộc khởi nghĩa Trương Công Định tại Gò Công*, tập san Sử Địa, số 22, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr.46, 47.

(18), (21), (22), (23), (37). R. Stanley Thomson (1946-1947), *Pháp tại Nam Kỳ: Vấn đề hoàn trả 3 tỉnh miền Đông 1862-1865*, The Far Eastern Quarterly, volume 6, pp.364-378.

Nguồn: <http://www.gio-o.com/NgoBacThomson...> Ngô Bắc dịch 2006.

Nguyễn Lục Gia

Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Phú Hòa - Phú Yên

Email: vanjack.nguyen@gmail.com

ĐT: 0973433617